FireAnt

CTCP Nhựa Việt Nam (UPCOM: VNP)

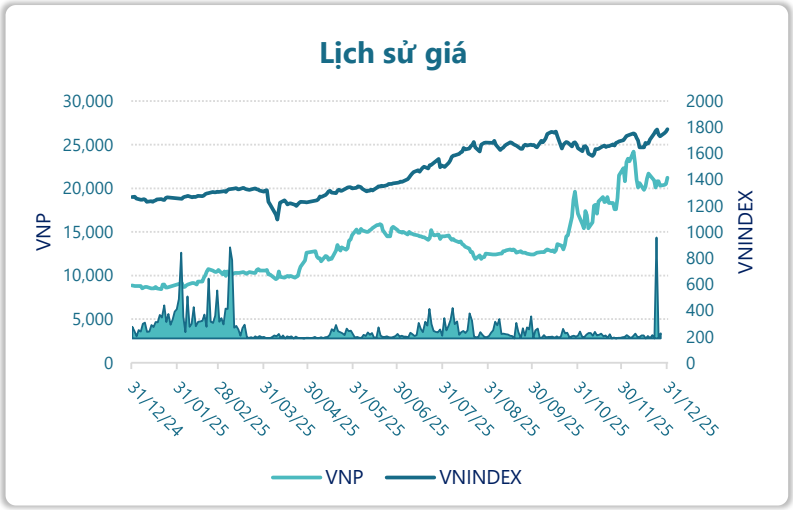

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,433
SL cổ phiếu LH	19,428,913
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120,655
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	412
P/E	22.2
EPS	955

DT thuần

Q4/25

1.09

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.4| -93.0%

YoY: ▼13.0| -92.3%

LN sau thuế

Q4/25

-3.93

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.2| -148%

YoY: ▼5.11| -433%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

46.3%

+/- YoY: ▲ 23.3%

DT thuần

2025

42.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼36.5| -46.4%

LN sau thuế

2025

18.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.80| 26.3%

ROE

2025

6.5%

+/- YoY: ▲ 1.4%

Kết quả kinh doanh

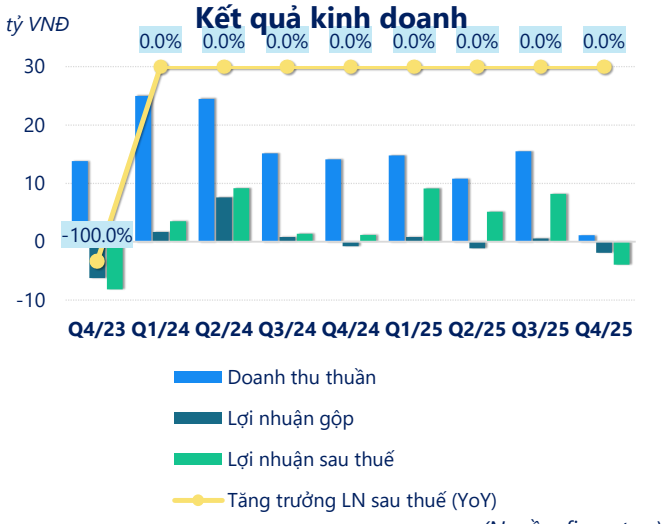

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

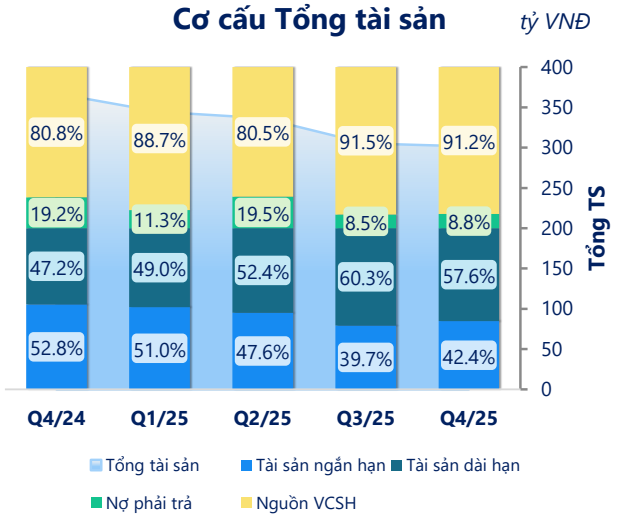

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

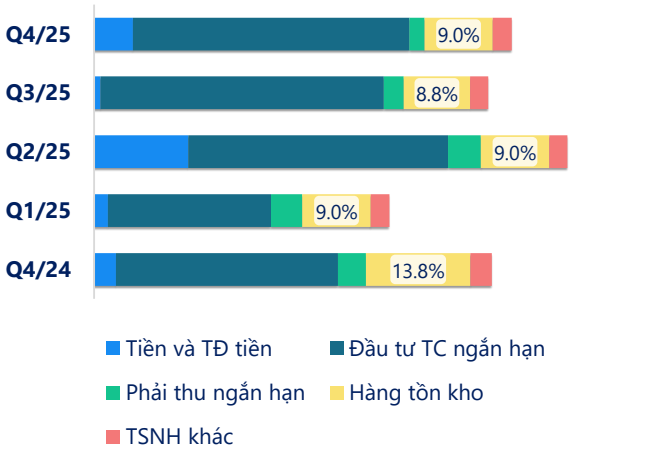

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

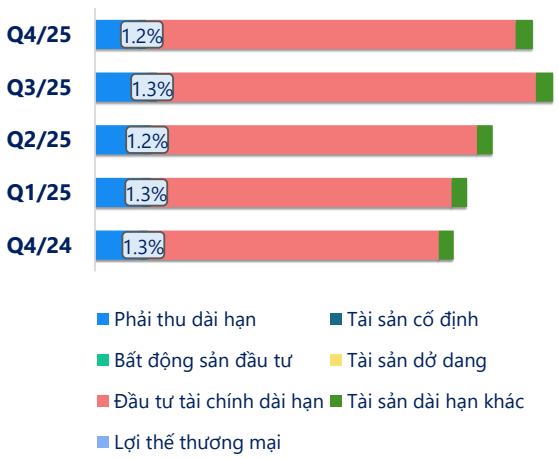

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

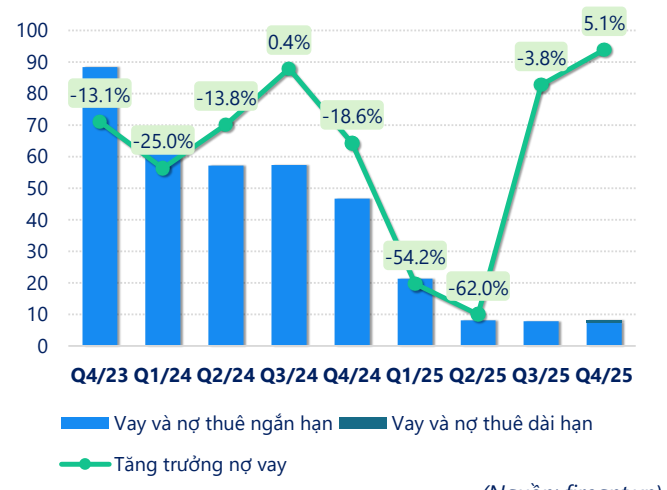

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

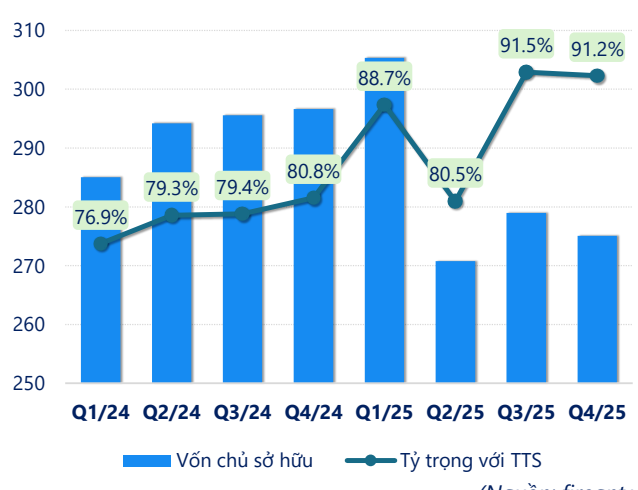

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

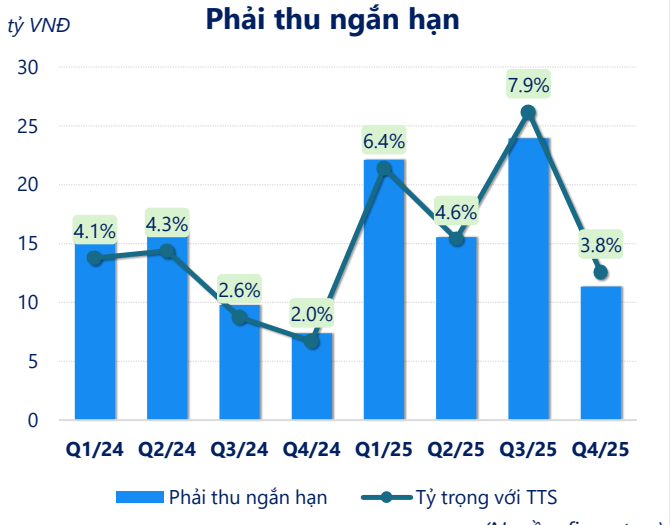

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

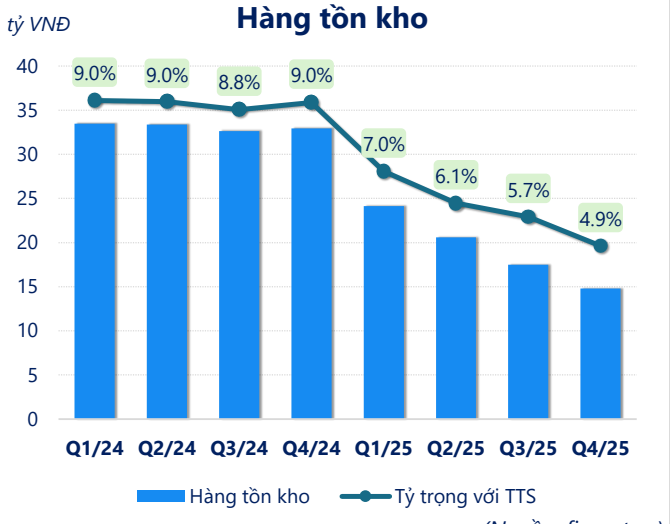

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

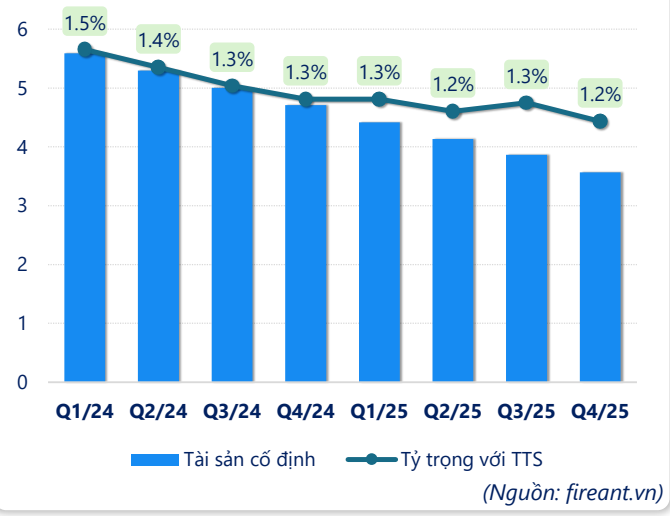

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

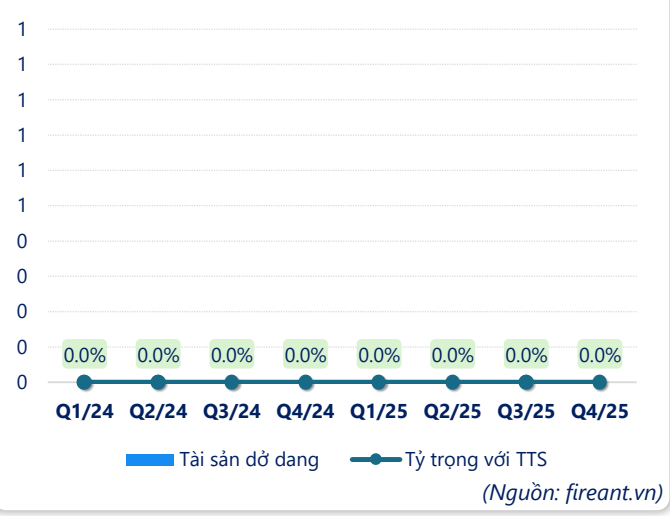

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

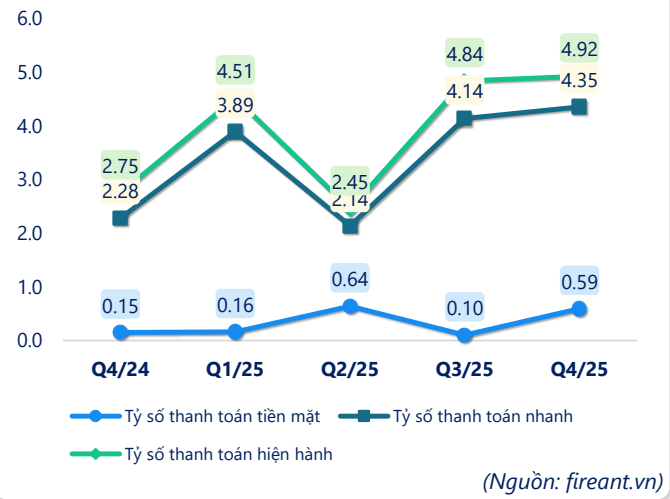

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

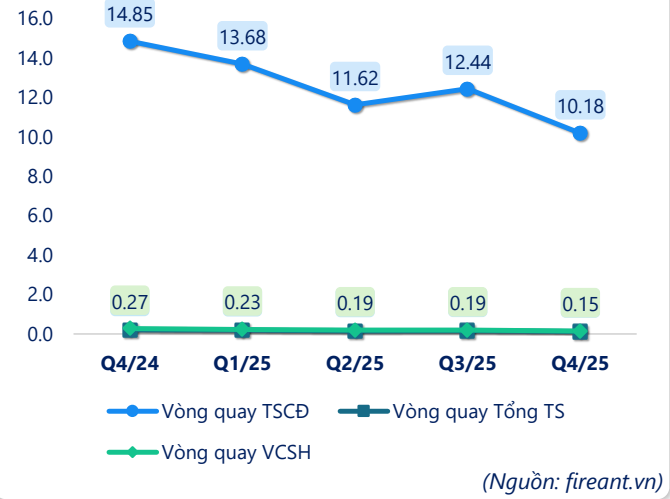

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**367**	**344**	**336**	**305**	**302**
Tài sản ngắn hạn	**194**	**176**	**160**	**121**	**128**
Tiền và tương đương tiền	10.6	6.24	41.7	2.53	15.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134	114	73.7	68.5	77.5
Phải thu ngắn hạn	7.38	22.1	15.5	23.9	11.4
Hàng tồn kho	32.9	24.2	20.6	17.5	14.8
Tài sản ngắn hạn khác	9.21	9.05	8.74	8.62	8.77
Tài sản dài hạn	**173**	**169**	**176**	**184**	**174**
Phải thu dài hạn	21.0	21.0	21.0	21.0	16.8
Tài sản cố định	4.71	4.42	4.13	3.86	3.57
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	141	136	144	152	147
Tài sản dài hạn khác	7.10	7.04	6.97	6.91	6.84
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**70.6**	**38.9**	**65.7**	**26.1**	**26.7**
Nợ ngắn hạn	**70.6**	**38.9**	**65.4**	**25.0**	**26.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.7	21.4	8.11	7.81	7.51
Phải trả người bán ngắn hạn	5.66	1.74	1.78	1.73	1.90
Nợ dài hạn	0	0	0.35	1.05	0.70
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0.70
Nguồn vốn chủ sở hữu	**297**	**305**	**271**	**279**	**275**
Vốn chủ sở hữu	**297**	**305**	**271**	**279**	**275**
Vốn điều lệ	194	194	194	194	194
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)